

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :304

sáng; Bánh canh cà lọc thớt nấu bàu cà rốt
nam
Sữa grow
Trưa : Cơm thớt kho trứng cut cà rốt củ cải
trắng, canh cải bó xôi thớt hen
Mon xao: su su
Trang Miêng: Thanh long
Xe: Bánh plan
Xe chiều: Cháo óc heo thớt nấu xanh me

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37035				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Cà lọc	3,000	18,690	560,700
3	Hen	1,000	18,380	183,800
4	Nộm mắm Cà (loại 1)	3,000	5,940	178,200
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nộm cà	3,000	3,780	113,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
9	Nấu xanh hạt	600	5,780	34,680
10	Mè (vỏ)	300	11,880	35,640
11	Hạnh lã	1,500	5,360	80,400
12	Hạnh củ tồ	1,000	5,780	57,800
13	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
14	Cà rốt	6,000	5,460	327,600
15	Củ cải trắng	1,000	2,730	27,300
16	Cải bó xôi	6,500	8,300	539,500
17	Su su	4,500	3,260	146,700
18	Bí (bầu)	1,000	3,990	39,900
19	Bánh plan	30,400	6,770	2,058,080
20	Bánh canh	20,000	1,930	386,000
21	Thớt lớn nạc	14,400	18,380	2,646,720
22	Ớc lớn	3,000	6,930	207,900
23	Quả thanh long	20,000	5,150	1,030,000
24	Trứng cut	3,200	13,000	416,000
Cong				10,028,520
*XUẤT KHO				
25	Sữa bột Abbott Grow	6,000	20,500	1,230,000
Cong				1,230,000
Tổng tiền thức phẩm				11,258,520 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nòng chi trong ngày				11248000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-10520(đ)
Xuất an luy kế tờ đầu tháng				
Tiêu chuẩn luy kế tờ đầu tháng				
Tiền chi luy kế tờ đầu tháng				